

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hằng	P. Hiệu trưởng phụ trách trường	Chủ tịch HĐ	
2	Lê Thị Hồng	P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên	Thư ký nhóm 1	
4	Lâu Thị Dung	Giáo viên	Thư ký nhóm 2	
5	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	Tổ trưởng tổ CM	Thư ký HĐ - Thư ký nhóm 3	
6	Sùng Thị Lé	Giáo viên lớp nhà trẻ Nà Nghè	Ủy viên	
7	Lò Thị Hinh	Giáo viên chủ nhiệm lớp MGG Kê Nênh	Ủy viên	
8	Hà Thị Loan	Giáo viên lớp Nhà trẻ Kê Nênh	Ủy viên	
9	Phạm Thị Hải	Giáo viên lớp MGG Nà Nghè	Ủy viên	
10	Nguyễn Thị Thanh Thơm	Tổ phó chuyên môn GV chủ nhiệm lớp nhà trẻ trung tâm	Ủy viên	
11	Đào Thị Huyền Hoa	Nhân viên	Ủy viên	
12	Vũ Thị Thu Trang	Kế toán	Ủy viên	

ĐIỆN BIÊN PHỦ - NĂM 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3-4
Danh mục chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7-10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11-77
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11-14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14-77
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14-38
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15-17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17-19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19-21
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21-24
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24-26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26-28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29-30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30-32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32-34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34-8
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	38-45
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39-40

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41-42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43-44
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	45-60
Mở đầu	
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	46-48
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	48-51
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	51-53
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	53-55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	55-57
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	57-59
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	60-66
Mở đầu	
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	60-63
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	63-66
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	66-77
Mở đầu	
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	67-70
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	70-71
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	72-74
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	75-77
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	77
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77-79

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CSVC	Cơ sở vật chất
2	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	BGH	Ban giám hiệu
6	CSGD	Chăm sóc giáo dục
7	ĐTN	Đoàn thanh niên
8	GDMN	Giáo dục mầm non
9	KH	Kế hoạch
10	HT	Hiệu trưởng
11	PHT	Phó hiệu trưởng
12	SDD	Suy dinh dưỡng
13	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
14	UBND	Ủy ban nhân dân
15	VBHN	Văn bản hợp nhất
16	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
17	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
18	CM	Chuyên môn
19	VP	Văn phòng
20	HĐ	Hội đồng
21	BNV	Bộ nội vụ
22	CNTT	Công nghệ thông tin
23	KHBDTX	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên
24	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
25	TDTT	Thể dục thể thao

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X

1.2. Kết quả: đạt mức độ 1**2. Kết luận: Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1****Phần I****CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường mầm non Hòa Mi – phường Điện Biên Phủ

Cơ quan chủ quản: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Điện Biên Phủ

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Phường Điện Biên Phủ
Xã / phường/thị trấn	Bản Tà Lèng
Đạt CQG	Mức độ 1 (QĐ số 1118/QĐ-UBND ngày 17/07/2023 của UBND tỉnh Điện Biên)
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2010(Theo QĐ 506/QĐ-CTUBND – TP Điện Biên Phủ) (Chỉ tích)
Công lập	X
Tư thực	
Trường chuyên biệt	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên P.Hiệu trưởng phụ trách	Nguyễn Thị Hằng
Điện thoại	0985702630
Fax	
Website	Mnhoami.pgdtptdienbenphu.edu.vn
Số điểm trường	2
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	1	1	1	1	1
Số lớp mẫu giáo ghép 3- 4 - 5 tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo ghép 4 - 5 tuổi	1	1	1	1	1
Cộng	6	7	7	7	7

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

Stt	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	6	6	6	6	6
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	2	2	2
1	Phòng kiên cố	0	0	1	1	1
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0

III	Khối phòng hành chính quản trị	5	5	5	5	5
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng bán kiên cố	5	5	5	5	5
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0	0	0	0	0
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0
	Cộng	12	12	13	13	13

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	0	0	0	0	0	0	
Phó HT	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	9	9	1	0	0	11	
Nhân viên	3	2	1	1	0	2	
Cộng	16	15	4	1	0	15	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số giáo viên	10	9	10	9	11
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	10	10	14	9,67	6,5
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có	0	0	0	0	0

	<i>trẻ bán trú)</i>					
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (<i>đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú</i>)	9,7	11	11,2	11,1	8,7
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	4	4	3	3	3
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	1	1	1	1	1
	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	

4. Trẻ em

Stt	Số liệu	Năm học 2011-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	103	108	100	98	87	
	- Nữ	52	51	52	47	43	
	- Dân tộc	94	96	99	93	85	
2	Đối tượng chính sách	3	3	5	5	5	
3	Khuyết tật	0	1	0	0	0	
4	Tuyển mới	31	42	33	21	22	
5	Học 2 buổi/ngày	103	108	100	98	87	
6	Bán trú	103	108	100	98	87	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	17,1	18	16,7	14	8,7	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	17,1	18	16,7	14	6,5	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	7	15	2	10	9	

- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	23	17	40	17	17	
Trẻ em 3-4 tuổi	24	26	17	31	31	
Trẻ em 4-5 tuổi	64	23	28	18	18	
Trẻ em 5- 6 tuổi	23	21	21	22	22	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non Hòa Mi được thành lập theo Quyết định số 506/QĐ-CTUBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của UBND thành phố Điện Biên phủ. Trường đóng trên địa bàn bản Tà Lèng – xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên. Trường có tổng diện tích là 3.455m². trong đó:

*** Điểm trường trung tâm:**

Diện tích đất xây dựng nhà trường 1.570m² đạt 14,9m²/trẻ đảm bảo quy định. Trong đó diện tích các phòng học là 90,7m², diện tích sân chơi là 500m²;

*** Điểm trường Kê Nênh:**

Diện tích đất xây dựng nhà trường 490,8m² đạt 17,5m²/trẻ đảm bảo quy định. Trong đó diện tích các phòng học là 70m², diện tích sân chơi là 100m²;

*** Điểm trường Nà Nghè:**

Diện tích đất xây dựng nhà trường 1394,2m² đạt 63m²/trẻ đảm bảo quy định. Trong đó diện tích các phòng học là 32m², diện tích sân chơi là 100m²;

Trường có tổng số lớp là 7 với 87 trẻ. Trường có cơ sở vật chất khang trang gồm 6 phòng học và 1 phòng chức năng được xây dựng kiên cố và bán kiên cố cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng được công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Cơ sở vật chất của nhà trường ở cả 3 điểm trường khang trang, khuôn viên khá rộng.

CSVC của nhà trường đã được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có tường rào bao quanh, có sân chơi lát gạch và láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động CSGD trẻ. Môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo đủ diện tích, đủ các phòng chức năng theo quy định như phòng nghệ thuật với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên phủ, của các cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể CBGVNV trong nhà trường, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc: Từ năm 2010 đến 2021 trường liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc; Năm học 2021-2022 được UBND tỉnh tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022.; Năm học 2024 – 2025 được UBND thành phố tặng giấy khen Tập thể HTTNV; Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Từ năm 2018 nhà trường vinh dự được công nhận là trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Nhà trường tiếp tục duy trì đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 từ đó đến nay.

Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay. Trường có đội ngũ CB, GV, NV đủ theo điều lệ trường mầm non. Có đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động CSGD trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 11/11 đạt 100%. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng CSGD trẻ được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trong những năm thành lập và đi vào hoạt động, trường mầm non Họa Mi có những bước phát triển mạnh mẽ vượt bậc về mọi mặt: Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định

mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

Mục đích, lý do tự đánh giá của nhà trường là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ, đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng, chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động đánh giá

Thực hiện Thông tư 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện các đoàn thể, giáo viên. Thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01- 02 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo Kế hoạch, được dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT- Bộ GD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá nhà trường đạt: trường chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng mức độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1,2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Trường Mầm non Hòa Mi có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có số điểm trường, số lớp, số trẻ đủ theo quy định. Nhà trường luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Thực hiện quản lý hành chính và thường xuyên tổ chức, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động. Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh

tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường, quản lý chặt chẽ các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, quản lý trẻ theo đúng các quy định hiện hành.

Công tác an ninh trật tự luôn được quan tâm nhằm giữ vững an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho CBGV, NV và học sinh trong toàn trường. Các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện của nhà trường về CSVC, đội ngũ CB, GV, NV và học sinh. [H1-1.1.01]; [H1-1.1.02].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu

KH được giao, nhà trường đã xây dựng KH chiến lược phát triển nhà trường số 92/KH - MNHM ngày 31/5/2021; KH thực hiện nhiệm vụ năm học được phòng GD&ĐT Thành Điện Biên Phủ phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định. [H1-1.1.02], [1.1-03].

Nhà trường làm tốt công tác công khai KH thực hiện nhiệm vụ năm học, phương hướng xây dựng chiến lược và phát triển của nhà trường theo từng năm học tới toàn thể CB, GV, NV trong Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động đầu năm và được niêm yết trên bảng tin công khai, được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website: <http://mnhoami.pgdtptdienbienphu.edu.vn/admin.ten> đăng nhập: mnhoami để CB, GV, NV, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1.04].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Hội đồng trường chịu trách nhiệm giám sát về các hoạt động của nhà trường đảm bảo mục tiêu phát triển giáo dục [H1-1.1- 05]. [H1-1.1.06]; [H1-1.1.07].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường, CB, GV, NV thông qua Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh. [H1-1.1- 05]. [H1-1.1.06]; [H1-1.1.07].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn, KH thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết công khai. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-------------------------	---------------	----------	---------------------	------------------

Tiếp tục rà soát bổ sung điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với tình hình của địa phương, của nhà trường.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng và giáo viên	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục xây dựng KH thực hiện nhiệm vụ năm học	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử của trường, trên bảng công khai của trường	Hiệu trưởng	Các tổ chuyên môn, GV cốt cán của trường	9/2025	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng nhà trường được thành lập theo Điều 18 quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm 07 thành viên theo Quyết định số 122 /QĐ-PGDĐT ngày 12/01/2022 của phòng GD&ĐT thành phố quyết định về việc thành lập đồng trường mầm non Hòa Mi nhiệm kỳ 2022-2028. Các Hội đồng khác được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trường mầm non Hòa Mi gồm: Hội đồng thi

đưa khen thưởng; Hội đồng chăm sóc kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-01];[H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường thực hiện quyết nghị về mục tiêu chiến lược các phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, giới thiệu người đề bổ nhiệm làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua. Hội đồng chăm sóc kiến giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên. [H1-1.2-05].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ được rà soát đánh giá các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường họp thường kỳ 2 lần/năm vào đầu năm học và cuối học kỳ 1 để kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương hướng hoạt động. [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường, thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao công tác chăm sóc giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực, vật lực xây dựng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia và tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát, đánh giá hoạt động theo kế hoạch. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 2 lần trong năm để kịp thời điều chỉnh và bổ sung kế hoạch, phương hướng hoạt động. Các hội đồng khác đều được đánh giá qua kế hoạch kiểm tra nội bộ và báo cáo tổng kết năm học hàng năm. Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm

sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường; xây dựng chương trình nhà trường phù hợp với mục tiêu chung của chương trình quốc gia, điều kiện thực tế vừa thể hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, kết quả mong đợi riêng của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường và các Hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động, kiểm tra giám sát góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.	Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường	Các thành viên hội đồng trường	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của

nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư và 10 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt chi bộ trong sạch vững mạnh được Đảng bộ xã Thanh Minh công nhận [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07];

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt chi bộ trong sạch vững mạnh được Đảng bộ xã Thanh Minh công nhận [H1-1.3-07].

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy xã Thanh Minh, Chi bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh”. Công đoàn, chi đoàn trường đều hoạt động tích cực và hiệu quả, là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn và phong trào văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội giảng, đặc biệt là phong trào hiến máu nhân đạo.

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chi bộ đảng, ĐTN phối hợp tổ chức các hoạt động lễ, hội trong nhà trường	Bí thư chi bộ, ĐTN	Các đảng viên, ĐTN	Vào các ngày lễ, ngày hội	
Tổ chức đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các đơn vị bạn trong huyện, trong tỉnh	Bí thư chi bộ, ĐTN	Các đảng viên, ĐTN	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không
Tổ chức các buổi sinh chuyên đề, lấy ý kiến thảo luận, đề xuất các ý tưởng đổi mới của các thành viên.	Bí thư chi bộ, ĐTN	Các đảng viên, ĐTN	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không
Chú trọng công tác phát triển đảng viên, phân công đảng viên giúp đỡ bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng.	Bí thư chi bộ	Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát,

đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường Nhà trường không có hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng phụ trách trường; 01 phó hiệu trưởng, đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.4-01]

Nhà trường có 01 tổ chuyên môn gồm: 11 giáo viên và 1 Phó hiệu trưởng; 01 tổ văn phòng gồm 01 P.hiệu trưởng và 03 nhân viên. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có tổ trưởng và tổ phó theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng, tuần. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá viên chức; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo quy định [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường. Trong 5 năm tổ chuyên môn đã đề xuất xây dựng được nhiều chuyên đề, các tiết chuyên đề được xây dựng từ những đề xuất thực tế của giáo viên, qua việc tổ chức các tiết chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đội ngũ giáo viên. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2021-2022 như: chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Kỹ năng phòng chống thiên tai và tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non, tiếp tục thực hiện chuyên đề "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí

Minh"... các chuyên đề được tổ chức thiết thực góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-03].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, được định kỳ rà soát kiểm tra theo từng tháng từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-03].

Hàng năm các tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường không có hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng phụ trách trường; 01 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập.

Có 01 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng KH hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tuần, định kỳ sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/tháng, tổ văn phòng định kỳ sinh hoạt 1 lần/ tháng của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có Hiệu trưởng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người	Phối	Thời gian	Dự kiến
-------------------------	-------	------	-----------	---------

	Chủ trì	hợp	thực hiện	kinh phí
Làm tờ trình, trình các cấp lãnh đạo xin biên chế 01 Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng phụ trách		Năm học 2025-2026	
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động...	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn (TTCM), giáo viên	Năm học 2025-2026	Không
Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Giáo viên	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong các năm học vừa qua nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi lớp và nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2025-2026 nhà trường có 7 nhóm lớp với 87 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 26 trẻ, 04 lớp mẫu giáo với 61 trẻ. [H1-1.5-01];[H1-1.5-02].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Năm học 2025 - 2026 Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi. Năm học 2025-2026 nhà trường có 7 nhóm lớp với 87trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 26 trẻ, 04 lớp mẫu giáo với 61 trẻ (1 MG bé: 9 trẻ, 1 MGG 2 độ tuổi với 24 trẻ, 2 lớp MGG 3 độ tuổi với: 28 trẻ) [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: Năm học 2021 – 2022 có tổng số là 6 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2022 - 2023 là 7 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2023- 2024 là 7 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2024 - 2025 là 7 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2025 - 2026 là 7 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đến thời điểm hiện tại nhà trường có 3 nhóm trẻ, 4 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng KH phát triển sự nghiệp giáo dục và giao chỉ tiêu huy động trẻ cho từng giáo viên đảm bảo số học sinh/lớp mẫu giáo đơn theo quy định.	Hiệu trưởng	Giáo viên	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không
Tiếp tục tham mưu với các cấp xây thêm phòng học để bố trí đủ số lượng học sinh phân chia theo độ tuổi.	Hiệu trưởng	Các tổ chức đoàn thể	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý chuyên môn; Hồ sơ quản lý trẻ em; Hồ sơ quản lý trẻ em học hòa nhập; Hồ sơ quản lý nhân sự; Sổ lưu trữ công văn đi, công văn đến; Hồ sơ quản lý tài sản, CSVC, tài chính; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.4-03]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. [H-1.6-03]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

Trong các năm học qua nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống

máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Sử dụng phần mềm phổ cập và cơ sở dữ liệu quốc gia trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [1.6-06]; [1.6-07].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2023 nhà trường được Phòng giáo dục kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng KH ngắn hạn, trung hạn, đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo giao ngân sách nhà nước để nhà trường hoạt động phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục (XHHGD); khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non như: Hồ sơ quản lý tài sản, hồ sơ quản lý tài chính, hồ sơ quản lý bán trú, quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật lưu trữ. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định, công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2023, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của Phòng GD&ĐT. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí XHHGD, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Điểm yếu

Công tác xã hội hóa giáo dục để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương vẫn còn có những hạn chế nhất định do điều kiện kinh tế của nhân dân địa phương vẫn còn khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến
--------------------------------	----------------------	-----------------	----------------------------	----------------

				kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo việc lưu trữ hồ sơ sổ sách của nhà trường theo quy định. Thường xuyên rà soát lập KH dự toán ngân sách để huy động các nguồn lực, tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y sỹ, kế toán	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không
Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, CSVC của nhà trường.	Hiệu trưởng,	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y sỹ, kế toán	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không
Hàng năm xây dựng KH vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác XHHGD nhằm nâng cao chất lượng	Hiệu trưởng	Kế toán	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không
Rà soát, bổ sung KH trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.			Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có KH bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên và nhân viên, mỗi CBQL, giáo viên đều có KH tự bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-03].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

100% CBQL, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng CSGD trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ bồi dưỡng chuyên môn, được hưởng lương phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định, được bảo vệ nhân phẩm danh dự và thân thể và được thực hiện các quyền khác theo quy định[H1-1.2-06]

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên. Nhà trường tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: Tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ...Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV theo học các lớp nâng cao trình độ. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng CB,GV,NV đảm bảo hợp lý, hiệu quả

trong các hoạt động của nhà trường. 100% CBQL, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng KH bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên	P.Hiệu trưởng	Giáo viên, nhân viên	9/2025	Không
Động viên và tạo điều kiện cho NV tham gia học các lớp nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	P.Hiệu trưởng	Nhân viên	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không
Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực sở trường của từng người	P. Hiệu trưởng	PHT, giáo viên, nhân viên	9/2025	Không
Khen thưởng, động viên kịp thời cho CBQL, GV, NV	P. Hiệu trưởng	PHT, giáo viên, nhân viên	Trong năm học	Không
Tham mưu mở các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ cho các nhân viên	P.Hiệu trưởng	Nhân viên	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của trẻ, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động CSGD trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.8-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.4-03]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng CSGD trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt giải [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, chú trọng đổi mới hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Ban kiểm tra nội bộ trường học thường xuyên kiểm tra rà soát, đánh giá việc xây dựng kế hoạch và bổ sung điều chỉnh kịp thời cho giáo viên. Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng KH giáo dục nhà trường phù hợp với địa phương	phó hiệu trưởng	TTCM, giáo viên cốt cán	9/2025	Không

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đội ngũ	phó hiệu trưởng, TTCM	Giáo viên	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không
Điều chỉnh KH phù hợp với tình hình thực tế của trường	phó hiệu trưởng	Giáo viên	Trong năm học	Không
Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.	phó hiệu trưởng	TTCM, giáo viên	Năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, CBQL, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phát triển nhà trường, các quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng lắng nghe và tiếp thu ý kiến của các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, tổ chức chế độ hội họp theo quy định, công khai kế hoạch của nhà trường, kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, công

khai tài chính; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, đề ra các giải pháp thực hành tiết kiệm trong trường [H1-1.1-06]; [H1-1.9-01];

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1.1.9-02].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02].

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBQL, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Hằng năm CBQL, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường. Trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế nhà trường đã xây dựng đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Công khai KH của nhà trường trên Trang Website; zalo chung; gmail trường	P.Hiệu trưởng phụ trách	PHT, giáo viên, nhân viên	9/2025	Không

Lấy ý kiến dân chủ, bàn bạc của đội ngũ trong nhà trường trước khi thực hiện các nội dung.	P.Hiệu trưởng phụ trách	Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên	9/2025	Không
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết.	p.Hiệu trưởng phụ trách	Giáo viên, phụ huynh, cộng đồng	Trong năm học	Không
Nêu cao tinh thần phê và tự phê của mỗi cá nhân trong các buổi họp và trong các buổi đánh giá xếp loại cuối năm.	p. Hiệu trưởng phụ trách	CBQL, giáo viên, nhân viên	5/2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non; Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội. Hàng năm thành lập Ban chỉ đạo và có phương án đảm bảo an ninh trật tự (1); an toàn vệ sinh thực phẩm (2); an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích (3); an toàn phòng, chống cháy, nổ (4); phòng, chống thảm họa, thiên tai (5); phòng, chống dịch bệnh (6); phòng, chống bạo lực trong nhà trường (7); nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (8) [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]]; [H1-1.10-06]]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CB, GV, NV, phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có CBQL, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-06].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường, tổ chức cho CB, GV, NV tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.2-06].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin,

biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường: xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ. Triển khai và hướng dẫn cụ thể tới toàn thể CBQL, GV, NV phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phương án phòng chống cháy nổ, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường có hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, quán triệt giáo viên nhân viên thực hiện tốt công tác CSGD trẻ. Tuyệt đối không có biểu hiện kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	P.Hiệu trưởng phụ trách	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Năm học 2025-2026	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, giáo viên chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ	P.Hiệu trưởng phụ trách	Nhân viên bảo vệ, giáo viên	Năm học 2025-2026	Không
Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã trên địa bàn để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường	P.Hiệu trưởng phụ trách	Công an phường	Năm học 2025-2026	Không
Mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy	P.Hiệu trưởng	Giáo viên, nhân viên	Năm học 2025-	3.000.000

	phụ trách		2026	
Đăng ký tập huấn cho CB, GV, NV về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.	P.Hiệu trưởng phụ trách	PHT, giáo viên, nhân viên	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng 2030 và được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học. Có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ của từng tổ chức. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Nhà trường có đủ hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng, có tổ chuyên môn và tổ văn phòng đảm bảo theo quy định. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường đã định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường có sổ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, số lượng trẻ trong một lớp không vượt quá quy định Điều lệ trường mầm non. Các lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày. Có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định. Các loại hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Hàng năm nhà trường đã lập dự toán, thực hiện thu đúng, chi đủ đúng mục đích và có hiệu quả; quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản hàng năm; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và theo quy định, ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong khai thác sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Trong 5 năm liên tiếp không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản, Nhà trường có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp trong nhà trường. Hàng năm nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực trình độ, thực hiện đầy đủ về chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định. Nhà trường xây dựng kế hoạch đồng bộ từ HT, PHT đến các tổ khối và giáo viên theo Chương trình GDMN và các văn bản hướng dẫn phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, thường xuyên kiểm tra rà soát, đánh giá và bổ sung điều chỉnh kịp thời. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng

góp ý kiến trong hội nghị cán bộ công chức hàng năm khi xây dựng kế hoạch, các nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong những năm qua không có đơn thư, khiếu nại hay tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường. Hằng năm báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đầy đủ. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả. Làm tốt công tác đảm bảo công tác an ninh trật tự, có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có tỉ lệ trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CS-GD trẻ theo Chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

P.Hiệu trưởng phụ trách trường và 01 đồng chí phó hiệu trưởng nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị; có năng lực quản lý nhà trường và khả năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu. Đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ đã từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, hàng năm CBQL, GV được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá cao. Không có cán bộ, giáo viên và nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy định tại Điều 10 Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong GDMN 14 năm trở lên. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng Trung cấp lý luận chính trị, đã hoàn thành bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe và năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [1.1-04]; [1.6-07] ; [H2-2.1-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT Thành phố đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt từ khá trở lên [H1-1.4-04]; [1.6-07].

Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-02].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ đánh giá xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng [H1-1.4-04]; [1.6-07]; [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, phó hiệu trưởng luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, trưởng đạt mức khá trở lên, trong đó có 3 năm hiệu trưởng đạt ở mức tốt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục. Nâng cao uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có đủ sức khỏe.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	KH	Trong năm học tiếp theo Thực hiện vào hè 2026	Ngân sách nhà nước

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá

trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022-2023 nhà trường có 9 giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, bố trí hợp lý về cơ cấu đáp ứng thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.6-01]; [1.6-07].

100% giáo viên trong trường có trình độ đào tạo trên chuẩn [1.6-07]; [H2-2.2-01].

Nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên xếp loại từ khá trở lên đạt 100%. Trong đó 7/9 đạt 78% ở mức tốt; 2/9 đạt 22% ở mức khá, theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 100% giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ [H1-1.4-04]; [1.6-07].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên xếp loại từ khá trở lên đạt 100%. Trong đó 7/9 GV đạt 78% ở mức tốt; 2/9 GV đạt 22% ở mức khá, [1.6-07]; [H2-2.2-01].

Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-06], [H1-1.3-08], [1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [1.6-07]; [H2-2.2-01].

Từ năm học 2021-2022 đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 78% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt [1.6-07]; [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. Hàng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 78% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt, khá thông qua các hoạt động tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp để nâng cao tỷ lệ xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt.	BGH+ GV	KH thực hiện	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân

viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 03 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 68 theo quy định gồm: 01 nhân viên phục vụ; 01 kế toán; 01 nhân viên bảo vệ; được tăng cường 1 nhân viên y tế học đường chung với trường Mầm non Sơn Ca. Nhân viên kế toán có trình độ đại học kế toán, nhân viên y sỹ có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn [H1-1.6-01]; [1.6-07].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7-01].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt CSVC trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.2-06], [H1-1.3-08].

Mức 2:

Nhà trường có 03 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 68, Nghị định 161 sửa đổi bổ sung và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của BGD&ĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục Mầm non công lập [H1-1.6-01]; [H1-1.7-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.2-06]; [H1-1.3-08].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: 01 Nhân viên kế toán có trình độ Đại học, 1 nhân viên y tế có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn [H2-2.3-01].

Hàng năm nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ kế toán, bồi dưỡng về công tác bán trú, bồi dưỡng về kiến thức VSATTP, bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy [H1-1.7-01]; [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 03 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y sỹ có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn, được tham gia các lớp tập huấn về công tác VSATTP. Nhân viên trong trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ theo công việc chuyên môn và các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác được giao. Hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật.

3. Điểm yếu:

+ Nhân viên y tế còn kiêm nhiệm 2 trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề theo yêu cầu của nhà trường.	P.Hiệu trưởng phụ trách, nhân viên	KH bồi dưỡng	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nhà trường có đủ 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng theo quy định, có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý Giáo dục, lý luận chính trị, nhiệt tình, tâm huyết, có lối sống lành mạnh, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, luôn được đồng nghiệp tín nhiệm, Phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương tin tưởng, hàng năm được

tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng tốt và 02 phó hiệu trưởng các năm học đều xếp loại tốt.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc - giáo dục trẻ theo chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng về mọi mặt để thực hiện chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Giáo viên, nhân viên trong trường hàng năm được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các lớp nâng chuẩn.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 3 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường mầm non Hòa Mi có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường. Có khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nước sạch đủ cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng theo quy định, đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT- BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non và thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Nhà trường có bếp ăn gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động 1 chiều, kho bếp được phân chia kho lương thực và kho thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, có đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hàng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp: Có vườn cây giảnh riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 3.455m² đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017. Trong đó, 1.570m² ; điểm Kê Nênh: 490,8m²; điểm Nà Nghè: 1394,2m². Diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại điều 5 Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường xây bao quanh và được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi đón trẻ, hành lang cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho việc đưa, đón sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao 1,36m. Sân chơi chung được lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, đảm bảo an toàn cho trẻ tất cả trẻ được sử dụng. Có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường. [3.1-03]; [1.6-03].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Trong đó diện tích xây dựng công trình lớp học là 192,7m²/6 phòng, tỷ lệ TB 32 m²/phòng.

Diện tích sân vườn cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo theo quy định [3.1-03].

Khuôn viên trường có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập: [3.1-03].

Tất cả khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT, ngày 14/9/2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, sân vườn thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có hàng rào chắn an toàn cho trẻ [3.1-03]; [1.6-03].

Mức 3

Nhà trường có sân vườn, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do BGD&ĐT ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [3.1-03]; [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Diện tích đất của nhà trường đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Trung tâm và các điểm trường có sân chơi đủ diện tích, được quy hoạch phù hợp, khoa học, khuôn viên đẹp mắt với nhiều cây xanh bóng mát, môi trường sạch sẽ. Cổng trường, hàng rào trung tâm và điểm trường được xây dựng kiên cố đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người và tài sản. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường phát huy những điểm mạnh và tham mưu với lãnh đạo Phòng VHXX phường	CBQL, GV, NV	Kinh phí, KH xây dựng và tu sửa	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp	

Điện Biên phủ, UBND phường tiếp tục đầu tư, nâng cấp CSV, cảnh quan nhà trường		CSV.		
Thường xuyên bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.	CBQL, GV, NV	Kinh phí	Năm học 2025-2026	Tự túc
Tham mưu với phòng VHXX cấp bổ sung đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời	CBQL	Kinh phí	Năm học 2025-2026	90.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 7 phòng học/7 nhóm, lớp. Trong đó nhóm trẻ 24-36 tháng: 3

nhóm; lớp mẫu giáo 3 tuổi: 1 lớp; lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi: 2 lớp; lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi: 1 lớp; [3.2-01].

Nhà trường có 7 phòng sinh hoạt chung. Các phòng học được lát gạch men chống trơn, đảm bảo mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ bàn ghế cho cô và trẻ, có tranh ảnh được trang trí đẹp, phù hợp chủ đề giáo dục; trường có 01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật 36m² trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, giống múa, đàn...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ [3.2-01]; [1.6-03].

Các nhóm, lớp đảm bảo thoáng mát có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp, đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường [3.2-01]; [1.6-03].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các khối phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Có 01 phòng ngủ riêng cho trẻ đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng, các nhóm, lớp đều có khu để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, đảm bảo theo quy định để tổ chức các hoạt động nghệ thuật với nhiều các thiết bị như đàn, gương, giống múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [3.2-01]; [1.6-03].

Nhà trường có 6/6 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [3.2-01]; [1.6-03].

Mức 3

Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc. Tuy nhiên chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD, có khu để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có khu giáo dục thể chất,

01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất, nghệ thuật đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu:

Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Phòng ngủ riêng cho trẻ chưa đủ đáp ứng ở tất cả các điểm trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và khắc phục những điểm yếu. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, có KH, làm tốt công tác tham mưu với cấp trên bổ sung sửa chữa trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường. - Tiếp tục tham mưu với các cấp để đầu tư xây dựng thêm phòng ngủ, phòng thư viện cho nhà trường.	CBQL	KH phát triển nhà trường, KH XHHGD; Tờ trình	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	2.000.000.000 đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- Có các loại phòng theo quy định;*
- Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng các phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, nhà kho, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên, khu để xe cho cán bộ giáo viên nhân viên hợp lý đảm bảo an toàn [3.3-01].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho CB, GV, NV họp và tổ chức các hoạt động khác; 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng (SDD), trẻ thừa cân béo phì, có bảng KH theo dõi tiêm phòng và khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khoẻ, phòng bệnh cho trẻ; phòng hành chính quản trị; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành [3.3-01]; [1.6-03].

Trung tâm trường và các điểm trường có khu để xe dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.3-01].

Mức 2:

Các loại phòng đảm bảo diện tích theo quy định: 01 văn phòng trường với diện tích 35m²; 01 Phòng hiệu trưởng với diện tích 16m²; 01 phòng phó hiệu trưởng diện tích 16m²; phòng hành chính quản trị có diện tích 16m²; Phòng y tế 12m²; Phòng bảo vệ nhà trường có diện tích 10m²; Phòng dành cho nhân viên diện tích 16m², các phòng có đủ máy móc, thiết bị văn phòng, bàn ghế làm việc, tủ để đồ dùng [3.3-01]; [1.6-03].

Trung tâm trường và các điểm trường có khu để xe dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.3-01].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. phòng Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, phòng họp được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; phòng hành chính - quản trị; phòng dành cho nhân viên; nhà kho có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh dành cho CB, GV, NV được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ trong nhà trường [3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng các phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; nhà kho; khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên đảm bảo theo thông tư số 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2025– 2026 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và xây dựng KH, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	CBQL, GV,NV	Kế hoạch tu sửa CSVC hàng năm.	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	40.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn****Mức 1:**

- a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 3 bếp ăn tại 3 điểm trường được xây dựng bán kiên cố: Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [3.4-01].

Trường có 3 kho thực phẩm tại 3 điểm trường. Kho lương thực được phân chia riêng biệt, có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, đảm bảo các quy định về VSATTP [3.4-01].

Trường có 3 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định, mẫu lưu được bảo quản 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra và vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.4-01]; [3.4-02]

Mức 2:

Nhà trường có 03 bếp ăn tại 3 điểm với tổng diện tích 180m², đảm bảo 1,66m²/trẻ. Nhà bếp được thiết kế độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có hệ thống nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [3.4-01]; [1.6-03].

Mức 3

Các bếp ăn được xây dựng bán kiên cố độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi. Dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 180m², bình quân trên trẻ là 1,66m²/trẻ. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm thông thoáng, đủ ánh sáng, cửa sổ có hệ thống chống chuột, ruồi nhặng,

gián và các côn trùng có hại khác. Tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, hạn chế các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. [3.4-01]; [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các bếp ăn ở các điểm trường được xây dựng bán kiên cố, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng, đủ diện tích và hoạt động theo quy trình một chiều, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực để thực phẩm riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường. Trung tâm và các điểm trường lẻ có đủ hệ thống lọc nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh. Bếp ăn đảm bảo theo yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, có KH bảo quản, sử dụng các đồ dùng, thiết bị nhà bếp một cách hiệu quả	CBQL	KH phát triển nhà trường	Năm học 2025 – 2026.	
Hàng năm có KH tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường Mầm non đạt hiệu quả cao	CBQL	KH phát triển nhà trường, tờ trình, vận động XHHGD	Năm học 2025 – 2026.	15.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm lớp đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo quy định tại VBHN số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [H1-1.6-03].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định phải bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.5-01].

Hằng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu, cuối năm học. Thống kê những đồ dùng, đồ chơi đã hỏng, đề nghị thanh lý, lập nhu cầu mua sắm và xin Phòng GD&ĐT cấp bổ sung thêm. Với những thiết bị, đồ dùng đồ chơi hư hỏng nhẹ, nhà trường huy động phụ huynh, giáo viên, nhân viên trong trường tự sửa chữa nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động CSGD trẻ có hiệu quả tại các điểm trường. [H1-1.6-03].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H1-1.6-03]; [3.2-01].

Nhà trường có 6/6 nhóm có đủ các thiết bị dạy học theo quy định đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ. [H1-1.6-03];

Hằng năm nhà trường được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại VBHN số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/03/2015 về ban

hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN. Giáo viên các nhóm lớp tích cực làm đồ dùng đồ chơi tự tạo, đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phục vụ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-03];

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm tại, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt, thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.6-03];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 7/7 nhóm, lớp tạm đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: tổ chức Hội thi làm đồ dùng đồ chơi cho tất cả giáo viên. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thước phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hằng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, CSVC và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và các đồ chơi ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng nhưng đạt hiệu quả chưa cao trong việc đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và làm tốt công tác bàn giao, kiểm kê tài sản, ĐDDC, trang thiết bị hàng năm để có KH tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, giáo viên	Biên bản kiểm kê, bàn giao; Danh mục ĐDDC	Đầu năm, cuối năm hoặc các năm	Không

Chỉ đạo phó hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn hướng dẫn giáo viên trong việc khai thác và sử dụng các thiết bị, đồ chơi nhằm đạt hiệu quả cao nhất.	CBQL, giáo viên	KH tham mưu; XHHGD	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Khuyến khích, động viên phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều đồ dùng đồ chơi sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí, hiện vật.	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên.	KH kiểm tra nội bộ.	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên được xây dựng đảm bảo, phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường khi sử dụng [3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ không ô nhiễm môi trường, có máy lọc nước, bình gôm lọc nước sạch, đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. [H3-3.2-02]; [3.6-02].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [3.6-02]

Mức 2:

Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ: Đảm bảo 0,4 - 0,6 m² cho một trẻ em; đối với trẻ em mẫu giáo có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Phòng vệ sinh được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát, có đủ các thiết bị phù hợp với từng độ tuổi có khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. [3.6-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ giếng khoan và lọc nước qua hệ thống máy lọc nước và bình lọc gôm. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ y tế như: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung, các điểm trường xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [H3-3.2-02]; [3.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non, phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy các điểm mạnh, xây dựng KH, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các lớp có 02 đến 03 tiểu treo dùng cho trẻ trai	CBQL.	Kinh phí	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	24.000.000 đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	CBQL, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2025-2026.	5.000.000 đồng
Nhà trường có KH thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Sử dụng nguồn nước đảm bảo theo quy định, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung.	CBQL, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2025-2026.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường được xây dựng kiên cố, bán kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Phòng vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử

dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động CSGD trẻ của nhà trường.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Thực hiện chủ trương “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp có ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ CSGD trẻ khi ở nhà, chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình ăn, ngủ, chơi, học cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng CSVC, cảnh quan trường lớp xanh – sạch – đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường đều có ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BG&ĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 01 thành viên thường trực. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy chế của ban đại diện hội cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-02].

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có hiệu quả cao [H1-1.2-06]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu, tham gia hỗ trợ tổ chức các hoạt động CSGD trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Hướng dẫn tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với các bậc phụ huynh như: Phòng chống bạo lực học đường, Luật trẻ em, quan tâm đến chế độ dinh dưỡng của trẻ, vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.2-06]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Trong những năm học qua Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ của nhà trường [H1-1.2-06]; [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm BĐDCMTE được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Ban đại diện cha mẹ trẻ hỗ trợ tích cực cho lớp, trường trong việc giáo dục trẻ em, thực hiện đúng nhiệm vụ theo Điều lệ BĐDCMTE. Ban đại diện cha mẹ trẻ em có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc CSGD trẻ,

tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, trong công tác XHHGD góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền phụ huynh tham gia vào công việc chung của nhà trường. Hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà ban đại diện cha mẹ trẻ em đề ra.	CBQL, GV	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trẻ em	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Chọn những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng tuyên truyền với cộng đồng về công tác CSGD trẻ tại trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ em điều chỉnh quy chế hoạt động hằng năm cho phù hợp.	CBQL, GV, cha mẹ trẻ em	Quy chế hoạt động của ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian hợp lý khi tổ chức các buổi họp để cha mẹ trẻ em có mặt đầy đủ. Xây dựng kế hoạch để GV chủ nhiệm phối hợp với ban đại diện cha mẹ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho trẻ và các hoạt động giáo dục của nhà trường.	CBQL, GV	Kế hoạch họp cha mẹ trẻ em.	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch

giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVN, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, lớp mầm non, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.1-01]; [H4-4.2-01].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ, trao đổi với cha mẹ trẻ thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-06]. [H4-4.1-02].

Nhà trường huy động và sử dụng nguồn nhân lực của các tổ chức, cá nhân, phụ huynh trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học và các hoạt động của trẻ như: Hội thi BKBN- Ngày hội tài năng của bé cấp trường- Cụm trường, tài trợ tổ chức tết trung thu 2022 cho trẻ Ước huy động hàng năm trên 20.000.000đ. Làm tốt công tác huy động nhân công Lao động tự đơn vị kết nghĩa, đại đội 11, tiểu đoàn 6, trung đoàn 82 và phụ huynh học sinh hàng năm huy động được hơn 150 công lao động tương đương 30.000.000 đ tôn tạo, xây dựng môi trường Sáng-Xanh-Sạch đẹp [5.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa

phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn: Xây dựng quy mô trường lớp, chất lượng CSGD trẻ, CSVC nhà trường [H4-4.2-01].

Nhà trường phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động trải nghiệm cho trẻ và cha mẹ như: Hội thi bé thi bé khỏe bé ngoan, bé thông minh nhanh trí, hoạt động trải nghiệm chào mừng ngày 20/11, ngày hội thể thao của bé, ngày tết trung thu... tổ chức cho cô và trẻ thăm quan các di tích lịch sử, các công trình văn hóa... [H4-4.2-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp với nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu văn hóa [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên, tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức chương trình hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho trẻ, cha mẹ trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu văn hóa.

2. Điểm yếu

Nguồn kinh phí huy động hỗ trợ từ các tổ chức đoàn thể, cá nhân chưa nhiều do đặc thù nhân dân địa phương thuộc vùng nông thôn, chủ yếu làm nghề trồng lúa mức thu nhập còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí

Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến giáo dục mầm non, tuyên truyền, phối kết hợp với các lực lượng xã hội, huy động thêm nhiều nguồn lực đóng góp XHHGD xây dựng trường ngày một phát triển,	Hiệu trưởng, GV, Cha mẹ trẻ, UBND xã Thanh Minh.	Tham mưu với UBND phường Tuyên truyền, vận động, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	
Nhà trường kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm hỗ trợ kinh phí, vật chất cho trẻ	Hiệu trưởng	Tuyên truyền vận động.	Đầu năm các năm học	Không
Xây dựng kế hoạch tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;	GVCN	Kế hoạch tuyên truyền	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	
Tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức cho trẻ thăm quan di tích lịch sử, công trình văn hóa trong, ngoài địa phương	CBQL, GV	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	
Tổ chức giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho trẻ	CBQL, GV	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Theo kế hoạch	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ trẻ em thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với

cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp uỷ đảng chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn phường. Thực hiện có hiệu quả công tác XHHGD, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp các nguồn lực để tu sửa CSVN, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường Mầm non đạt CQG. Đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo KH, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời thực hiện phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ SDD ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 95%. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi được đánh giá là đạt các mục tiêu và hoàn thành chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo ngày 31/12/2020 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2019 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo, Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016.

Xây dựng kế hoạch giáo dục và chỉ đạo các độ tuổi thực hiện theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Nhà trường xây dựng và phát triển Chương trình GDMN do BGD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường, lựa chọn các nội dung bài hát, bài thơ, câu chuyện, các sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ đưa vào xây dựng kế hoạch giáo dục năm, kế hoạch chủ đề phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu khám phá của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02]; [5.1-02]

Hằng năm nhà trường đã tổ chức kiểm tra định kỳ, rà soát kế hoạch giáo dục năm của các độ tuổi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục nhà trường để có kế

hoạch điều chỉnh kịp thời và phù hợp cho các năm học tiếp theo [H5-5.1-01]; [H1-1.8-01].

Mức 2

Căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình ở các độ tuổi theo các chủ đề, 100% các lớp thực hiện tốt nội dung chương trình đảm bảo chất lượng. Trẻ có các kỹ năng thực hiện tốt, tích cực tham gia hoạt động khám phá, trải nghiệm sáng tạo [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1- 01].

Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng dựa trên Chương trình khung của Bộ giáo dục Đào tạo và dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và các đặc điểm của độ tuổi để phát triển thành bộ kế hoạch giáo dục đảm bảo tính kế thừa và phát triển nhằm nâng cao tính tư duy, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ có các hoạt động thực sự lấy trẻ làm trung tâm. Các mục tiêu lựa chọn phù hợp với đặc điểm của trẻ. Lồng ghép các hoạt động lễ hội phù hợp với văn hoá truyền thống: Tết trung thu, Tết Nguyên đán, ngày 20/10, ngày 20/11, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tết thiếu nhi, và sinh nhật của trẻ trong tháng [H1-1.8-01].

Mức 3

Nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi phù hợp với văn hóa dân tộc. Tuy nhiên nhà trường chưa có điều kiện tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Hàng năm nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá lại việc thực hiện chương trình GDMN để từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương. Tạo môi trường giáo dục thân thiện, phù hợp với chủ đề giáo dục. Có đồ dùng đồ chơi phong phú, nguyên vật liệu đa dạng hấp dẫn trẻ hoạt động. Hàng năm nhà trường có đánh giá tổng kết việc thực hiện chương trình giáo dục và có kế hoạch cải tiến điều chỉnh phù hợp.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên tuổi cao nên việc linh hoạt tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN thông qua việc rà soát và điều chỉnh kế hoạch thực hiện.	CBQL	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	
Nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện Chương trình giáo dục nhà trường, giáo viên xây dựng thành kế hoạch của lớp hiệu quả, phát triển chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và trẻ tại nhóm, lớp.	CBQL, GV	Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục các lớp	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	
Tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.	CBQL, GV	Tham khảo trên internet	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1.Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo với mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường không áp đặt dập khuôn máy móc [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung các độ tuổi nhà trường chỉ đạo giáo viên tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, tạo điều kiện tốt nhất để trẻ được vui chơi, trải nghiệm [5.1- 02].

100% giáo viên các nhóm/lớp tổ chức linh hoạt các hoạt động giáo dục dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc điểm của nhóm/lớp, của học sinh và điều kiện thực tế. Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi như: Khai giảng, kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, Vui tết trung thu, Hội thi ngày hội thể thao của bé, ...Trẻ được hoạt động, khám phá, thực hành trải nghiệm góc chợ quê, góc thiên nhiên... [H4-4.2-02]; [5.1- 02]

Mức 2:

Nhà trường đã chỉ đạo các nhóm, lớp thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện của nhà trường, thông qua các ngày lễ, ngày hội trẻ được trải nghiệm với nhiều hoạt động khác nhau sau đó được thưởng thức sản phẩm của mình làm ra. Tại khu vực góc thiên nhiên trẻ được tập làm bác nông dân, nhổ cỏ, xới đất, tưới cây, nhặt lá...[5.1- 02]

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Học mà chơi, chơi bằng học” ... [5.1- 02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện thực tế nhà trường. Tổ chức cho 100% số trẻ tham gia các hoạt động tập

thể lành mạnh như: Hát dân ca, chơi trò chơi dân gian, đọc đồng dao ca dao, tham gia vào các buổi lễ hội, văn nghệ, vui chơi ở trường. Chú trọng xây dựng môi trường theo hướng mở tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi học tập và khám phá thế giới xung quanh, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học”.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hướng dẫn giáo viên làm đồ dùng đồ chơi theo hướng mở bằng các nguyên liệu sẵn có tại địa phương vừa bền vừa an toàn với trẻ.	CBQL, TTCM.	Kinh phí nhà trường. Sưu tầm các vật liệu sẵn có	Trong các năm học	
Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là về việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	CBQL, TTCM.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Hàng tháng trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường phối hợp với trạm Y tế Thanh Minh tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm, tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun, tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh, phối hợp cân đo chiều cao, cân nặng cho trẻ [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình Giáo dục mầm non để giúp trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi tăng cân. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05] .

Mức 2:

Nhà trường tổ chức tư vấn cho phụ huynh thông qua các giờ đón, trả trẻ, họp phường, phố, xóm...Tuyên truyền, hướng dẫn cho cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng, VSATTP. Tư vấn về vệ sinh phòng bệnh theo mùa, không đưa trẻ đến trường khi trẻ ốm và bị bệnh truyền nhiễm. Tuyên truyền về khẩu phần ăn và định lượng của trẻ theo quy định GDMN. Giáo viên các lớp phối hợp với cha mẹ trẻ em thực hiện đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ [H1-1.2-06]; [H5-5.3-05].

Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình GDMN. Tính khẩu phần ăn để cân đối lương thực thực phẩm hằng ngày cho trẻ đảm bảo tỷ lệ giữa các chất giúp trẻ SDD được phục hồi và hạn chế tốc độ tăng cân đối với trẻ béo phì. Chế độ ăn của trẻ hàng ngày ở trường được đảm bảo cân đối về thực phẩm, nước uống. Thực đơn được xây dựng hàng ngày theo tuần [H5-5.3-02]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

100% trẻ SDD được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo

tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết suất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-02]; [H5-5.3-04].

Mức 3

100% trẻ trong nhà trường được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Năm học 2021 - 2022: Cân nặng bình thường đạt trên 95,4%; SDD thể nhẹ cân chiếm 4,6%, chiều cao bình thường đạt trên 95,4%, SDD thể thấp còi chiếm 4,6%; Năm học 2022- 2023: Cân nặng bình thường đạt trên 97,4%; SDD thể nhẹ cân chiếm 2,6%, chiều cao bình thường đạt trên 97,4%, SDD thể thấp còi chiếm 2,6%; Năm học 2023 – 2024: Cân nặng bình thường đạt trên 97,3%; SDD thể nhẹ cân chiếm 2,7%, chiều cao bình thường đạt trên 97,3%; SDD thể thấp còi chiếm 2,7%; Năm học 2024 – 2025: Cân nặng bình thường đạt trên 98,05%; SDD thể nhẹ cân chiếm 1,95%; chiều cao bình thường đạt trên 98,05%; %, SDD thể thấp còi chiếm 1,95%;

Năm học 2025 – 2026: Cân nặng bình thường đạt trên 98% ; SDD thể nhẹ cân chiếm 2% ; chiều cao bình thường đạt trên 98% ; SDD thể thấp còi chiếm 2% ; [H5-5.3-02] .

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Phối hợp chặt chẽ với y tế xã Thanh Minh để kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ, làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường. Công tác bán trú được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Lựa chọn nguồn thực phẩm tươi sống đảm bảo về chất lượng, thường xuyên theo dõi và nâng cao chất lượng khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo đủ lượng, đủ chất. Số trẻ SDD giảm hàng năm, hạn chế được tốc độ tăng cân của trẻ thừa cân béo phì. Có 95,4% trở lên trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường so với quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
CBQL nhà trường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tổ dinh dưỡng đảm bảo VSATTP, duyệt hồ sơ sổ sách	CBQL, GV	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Hàng tháng	Không

nuôi ăn hàng tháng.				
Thực hiện tuyên truyền tư vấn cho cha mẹ học sinh cách chăm sóc nuôi dưỡng trẻ để cha mẹ học sinh phối hợp tốt hơn với nhà trường bằng nhiều hình thức: họp phụ huynh, họp thôn bản, khối, trên trang Web, loa phát thanh của nhà trường....	CBQL, GV	Các cuộc họp lớp, họp tổ khối, trên trang Web, loa phát thanh trường....	Hàng tháng	Không
Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe cho trẻ.	CBQL, GV, NV	Kế hoạch phối hợp với trạm y tế xã Thanh Minh	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác VSATTP, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị SDD, có chế độ ăn hợp lý đối với trẻ bị thừa cân, béo phì. Theo dõi, quan tâm và có Kế hoạch điều chỉnh chế độ ăn phù hợp cho trẻ SDD, thấp còi, phù hợp với trẻ béo phì để tỷ lệ trẻ bị SDD giảm xuống thấp nhất và không có trẻ bị béo phì.	CBQL, GV, NV	Kế hoạch bán trú...	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ ở các độ tuổi khác đạt 96% [H1-1.5-01]; [H5-5.4-02].

Hằng năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 22 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Năm học 2025 - 2026 nhà trường không có trẻ khuyết tật

Mức 2:

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ ở các độ tuổi khác đạt 96% [H1-1.5-01]; [H5-5.4-02].

Hằng năm nhà trường có 100% số trẻ 5 hoàn thành chương trình GDMN, tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 21 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Năm học 2025 - 2026 nhà trường không có trẻ khuyết tật

Mức 3:

Hằng năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 22 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Năm học 2025 - 2026 nhà trường không có trẻ khuyết tật

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ ở các độ tuổi khác đạt 96%. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Năm học 2021 - 2022 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân, được đánh giá theo quy định [H1-1.5-03]

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường có các giải pháp chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu UBND xã giao và đảm bảo tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần.	CBQL	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Hàng tháng trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Duy trì tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đảm bảo theo quy định.	CBQL, GV	Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ	Hàng tháng trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã xây dựng, triển khai thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch phù hợp với quy định về chuyên môn và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp an toàn, lành mạnh, thân thiện, tổ chức tốt các hoạt động khám phá, trải nghiệm, tham gia lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao... Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, do đó kết quả CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường, về cân nặng, chiều cao hằng năm trên 95,4%, không có trẻ béo phì. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần mức cao, hằng năm có 100% trẻ 5

tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình GDMN.

Tuy nhiên: khả năng nhận thức của một số trẻ độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo bé còn chưa linh hoạt;

- *Tổng số tiêu chí: 4 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2021 - 2022 đến nay. Trường mầm non Hòa Mi đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, năm học 2022-2023 nhà trường được UBND Tỉnh tặng bằng khen. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện, có nhiều khu vực sáng tạo cho trẻ hoạt động thực hành trải nghiệm.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ đạt chuẩn trở lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện tốt phát triển chương trình GDMN, phương pháp dạy học đã được đổi mới linh hoạt phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ngành, của Đảng uỷ Chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu

với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường Mầm non được BGD&ĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá Trường mầm non Hòa Mi đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- *Tổng số tiêu chí: 25 tiêu chí*
- + *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 25*
- + *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*
- *Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tiêu chí đạt 100%*
- *Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tiêu chí đạt 100%*
- *Tiêu chí đạt mức 3: 5 /25 tiêu chí đạt 20%*
- *Tiêu chí không đạt mức : 0*

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non Hòa Mi kiểm định trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức độ 2.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường Mầm non Hòa Mi về công tác Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non../.

Điện Biên Phủ , ngày 10 tháng 12 năm 2025

P.HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Hằng